

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138,364,808,151	89,410,433,962
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	74,008,245,145	52,295,129,608
1. Tiền	111		13,728,126,724	8,399,888,971
2. Các khoản tương đương tiền	112		60,280,118,421	43,895,240,637
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5,000,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5,000,000,000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23,881,938,387	18,968,472,700
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	10,939,993,805	2,043,055,167
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	10,413,417,520	14,539,451,220
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	4,175,379,170	4,032,818,421
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1,646,852,108)	(1,646,852,108)
IV. Hàng tồn kho	140		11,847,983,140	12,791,996,430
Hàng tồn kho	141	V.7	11,847,983,140	12,791,996,430
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23,626,641,479	5,354,835,224
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	42,160,499	25,047,000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6,087,739,070	5,144,718,237
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	VI.9	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	17,496,741,910	185,069,987
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		245,069,503,859	233,406,209,453
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		244,570,505,740	232,907,211,334
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	227,553,917,021	188,907,190,968
Nguyên giá	222		531,405,855,373	481,508,803,192
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(303,851,938,352)	(292,601,612,224)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	825,431,338	984,898,675
Nguyên giá	228		2,366,752,333	2,366,752,333
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,541,320,995)	(1,381,853,658)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	16,191,157,381	43,015,121,691
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8,330,000	8,330,000
Đầu tư dài hạn khác	258		8,330,000	8,330,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		490,668,119	490,668,119
Chi phí trả trước dài hạn	261		490,668,119	490,668,119
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		383,434,312,010	322,816,643,415

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		191,518,800,148	136,612,261,140
I. Nợ ngắn hạn	310		170,005,581,468	114,522,358,684
1. Phải trả người bán	312	V.13	45,518,631,220	15,033,179,584
2. Người mua trả tiền trước	313	V.14	4,448,831,529	1,042,770,692
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	9,323,656,621	10,776,470,025
4. Phải trả người lao động	315		22,868,791,351	18,712,281,130
5. Chi phí phải trả	316	V.16	24,550,806,751	29,731,644,519
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	62,687,918,905	37,436,624,043
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.18	606,945,091	1,789,388,691
II. Nợ dài hạn	330		21,513,218,680	22,089,902,456
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	15,783,127,383	15,833,112,176
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	5,792,923,297	6,256,790,280
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		(62,832,000)	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	191,915,511,862	186,204,382,275
I. Vốn chủ sở hữu	410		191,915,511,862	186,204,382,275
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	130,000,000,000	130,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	20,113,571,708	20,113,571,708
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	8,014,728,761	8,014,728,761
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	33,787,211,393	28,076,081,806
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		383,434,312,010	322,816,643,415

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2013

LÊ TRỌNG HIỆU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2013

(Có so sánh số liệu năm 2012)

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2013	Quý 1/2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		176,559,930,236	150,938,732,048
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		46,928,369	78,688,686
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	176,513,001,867	150,860,043,362
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	164,075,969,113	139,345,155,226
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12,437,032,754	11,514,888,136
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	923,813,527	1,578,374,582
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	130,364,645	166,285,790
Trong đó: chi phí lãi vay	23		130,364,645	166,285,790
8 Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,763,011,861	1,853,117,908
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4,335,254,266	3,947,148,338
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,132,215,509	7,126,710,682
11 Thu nhập khác	31	VI.7	77,119,093	204,756,973
12 Chi phí khác	32	VI.8	12,799,744	188,781,879
13 Lợi nhuận khác	40		64,319,349	15,975,094
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,196,534,858	7,142,685,776
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	1,485,405,271	1,500,987,169
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,711,129,587	5,641,698,607
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10	439	434

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2013



LÊ TRỌNG HIỆU

Giám đốc

LẠI THỊ THU

Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

Người lập biểu

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2013	Quý 1/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		7,196,534,857	7,142,685,776
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		11,409,793,465	7,767,446,966
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(923,813,527)	2,501,592,742
- Chi phí lãi vay	06		130,364,645	166,285,790
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17,812,879,440	17,578,011,274
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23,317,834,180)	(3,311,153,192)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		817,166,277	(499,619,653)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		32,444,209,239	(3,725,339,519)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(17,113,499)	(9,031,418)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(130,364,645)	(166,285,790)
- Thuế thu nhập đã nộp	14		(4,232,282,722)	(2,743,162,447)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		50,506,400	34,000,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1,232,950,000)	(782,070,904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22,194,216,309	6,375,348,351
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		3,913,326,919	(12,668,388,513)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5,000,000,000)	4,000,000,000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,073,489,264	(2,501,592,742)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13,183,817)	(11,169,981,255)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	(463,866,983)
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(463,866,983)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,049,972)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(467,916,955)	(463,866,983)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		21,713,115,537	(5,258,499,887)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52,295,129,608	71,714,690,471
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VL1	74,008,245,145	66,456,190,583

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2013

LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Mẫu B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành, nghề kinh doanh** : Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
Xây dựng công trình cấp nước;
Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
Lập dự án;
Thẩm tra thiết kế;
Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2013 là 398 người (chưa bao gồm lao động thời vụ).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm 2013 là năm tài chính thứ 07 của Công ty kể từ khi chuyển sang Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản ký quỹ ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Phương tiện truyền dẫn	10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí đầu tư cho dự án đầu tư đường ống dẫn nước chưa hoàn thành bao gồm toàn bộ chi phí khảo sát thiết kế, mua mới thiết bị, chi phí xây dựng,... liên quan đến hệ thống đường ống dẫn nước phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Chi phí phải trả của Công ty bao gồm:

Trích trước chi phí phải trả cho nhà thầu theo giá dự toán đối với công trình xây dựng cơ bản tạm tăng tài sản cố định khi có nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chưa được quyết toán.

Trích trước chi phí gấn Đồng hồ nước và cải tạo ống mục đã thực hiện nhưng chưa quyết toán.

11. Nguồn vốn kinh doanh - Các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu của hoạt động cấp nước được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuyết minh này là một phần hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	20.085.638	45.116.538
Tiền gửi ngân hàng	13.708.041.086	8.354.772.433
Các khoản tương đương tiền	60.280.118.421	43.895.240.637
Cộng	74.008.245.145	52.295.129.608

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 5 – 12 tháng	5.000.000.000	-
Cộng	5.000.000.000	-

3. Phải thu khách hàng

Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước khác	10.939.993.805	2.043.055.167
Cộng	10.939.993.805	2.043.055.167

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty TNHH Đăng Hưng	563.327.750	563.327.750
Công ty CP Đầu tư & XD Trường An	305.953.962	305.953.962
Công ty CP Tư vấn XD Cấp Nước	438.758.690	608.373.956
Công ty TNHH XD BCN & Đường Ông Hoàng Thăng	760.738.434	810.821.820
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.679.128.848	2.113.969.986
Công ty TNHH TM XD Việt Long	3.404.921.289	4.614.883.494
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	491.261.854	491.261.854
CN Công ty CP TVĐT&TKXD VNam (CTy TNHH TVTKXD M Nam)	159.122.108	535.148.392
CN Tổng Công ty Cơ Điện - XDNN	348.040.000	348.040.000
Công ty TNHH Đan VI	-	1.752.886.404
Công ty TNHH Lộc Hưng Thịnh Phát	797.032.080	797.032.080
Các nhà cung cấp khác	1.465.132.505	1.597.751.522
Cộng	10.413.417.520	14.539.451.220

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.875.839.697	2.927.761.797
Ngân hàng NN và PT Nông Thôn CN Hoà Bình	-	31.250.000
Ngân hàng Phương Nam CN Hồng Bàng	-	61.250.000
Ngân hàng TM CP An Bình	-	23.873.501
Ngân hàng TM CP Việt Á	-	33.302.236
Phải thu về khoản cho mượn vật tư	1.233.509.662	599.759.674
Phải thu các đối tượng khác	66.029.808	355.621.213
Cộng	4.175.379.170	4.032.818.421

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 1 năm và dưới 2 năm	546.516.760	546.516.760
Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	1.100.335.348	1.100.335.348
Cộng	1.646.852.108	1.646.852.108

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyên liệu, vật liệu	11.762.548.112	10.230.888.678
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	85.435.028	2.561.107.752
Cộng	11.847.983.140	12.791.996.430

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu năm		25.047.000
Số phát sinh tăng trong năm	581.005.000	
Số phân bổ trong năm	563.891.501	
Số chờ phân bổ chuyển sang năm sau	42.160.499	

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	17.345.207.923	33.536.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	151.533.987	151.533.987
Cộng	17.496.741.910	185.069.987

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	2.036.875.500	1.856.388.679	469.815.977.521	7.799.561.492	481.508.803.192
Tăng trong kỳ	-	-	47.987.164.527	1.909.887.654	49.897.052.181
Mua trong năm	-	-	-	1.909.887.654	1.909.887.654
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	47.987.164.527	-	47.987.164.527
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm theo kết quả quyết toán công bộ Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.036.875.500	1.856.388.679	517.803.142.048	9.709.449.146	531.405.855.373
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	1.441.377.697	1.583.108.737	285.455.899.186	4.121.226.604	292.601.612.224
Khấu hao trong kỳ	17.766.891	16.930.170	10.941.155.807	274.473.260	11.250.326.128
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.459.144.588	1.600.038.907	296.397.054.993	4.395.699.864	303.851.938.352
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	595.497.803	273.279.942	184.360.078.335	3.678.334.888	188.907.190.968
Số cuối kỳ	577.730.912	256.349.772	221.406.055	5.313.749.282	227.553.917.021
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại 01/01/2013	260.186.500	1.427.600.224	126.927.568.062	3.041.350.299	131.656.705.085
Tại 31/03/2013	260.186.500	1.484.558.224	129.361.973.642	3.041.350.299	134.148.068.665

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
1. Số đầu kỳ	2.366.752.333	2.366.752.333
2. Tăng trong kỳ	-	-
Do mua sắm	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	2.366.752.333	2.366.752.333
II. Hao mòn lũy kế		
1. Số đầu kỳ	1.381.853.658	1.381.853.658
2. Tăng trong kỳ	159.467.337	159.467.337
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	1.541.320.995	1.541.320.995
III. Giá trị còn lại		
1. Số đầu kỳ	984.898.675	984.898.675
2. Số cuối kỳ	825.431.338	825.431.338
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
Tại 01/01/2012	453.144.276	453.144.276
Tại 31/12/2012	453.144.276	453.144.276

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Gồm những chi phí đầu tư vào các công trình cải tạo, sửa chữa; Các công trình phát triển mạng lưới cung cấp nước và các công trình khác. Chi tiết phát sinh tăng giảm các công trình trong năm như sau:

Số đầu kỳ:	43.015.121.691 VND
Đầu tư thêm trong kỳ:	30.187.965.329 VND
Kết chuyển Tài sản cố định trong kỳ:	47.987.164.527 VND
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ:	9.024.765.112 VND
Số cuối kỳ:	16.191.157.381 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	32.034.579.760	4.491.731.375
Công ty CP Công trình giao thông Quận 8	35.539.528	35.539.528
Công ty TNHH An Phát	36.212.445	36.212.445
Công ty CP TV & ĐT Đô Thị Việt	6.838.750	6.838.750
Công ty CP TM DV XD Lương Nguyễn	57.700.871	-
Công ty TNHH Công Nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	10.497.500	10.497.500
Công ty QL CTGT Sài Gòn	5.322.308.653	5.299.301.833
Công ty TNHH CTCTN&HT Đô Thị M.A.T	2.219.035.884	419.263.210
Công ty CP Đại Lộc	-	3.285.253
DNTN Thảo Tín Vũ	648.334.466	-
Cty TNHH Đan Vĩ	2.101.411.279	-
Công ty TNHH Đạt Đức	148.124.039	148.124.039
Công ty CP Đầu Tư Minh Hòa	-	955.240.000
Công ty CP Cơ Khí CT Cấp Nước	1.727.332.884	2.651.293.065
Cty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	251.612.154	-
Công ty TNHH Khôi Việt	-	576.006.200
Phải trả người bán khác	919.103.007	399.846.386
Cộng	45.518.631.220	15.033.179.584

14. Người mua trả tiền trước

Truy thu tiền thất thoát nước	635.932.555	663.788.540
Thu tiền nước khách hàng	3.529.965.031	-
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	64.013.443	50.287.699
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	107.839.500	107.839.500
Các khách hàng khác	111.081.000	220.854.953
Cộng	4.448.831.529	1.042.770.692

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán cung cấp dịch vụ nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.376.108.919	1.485.405.271	4.232.282.722	1.629.231.468
Thuế thu nhập cá nhân	561.774.739	1.381.537.835	1.507.407.442	435.905.132
Các loại thuế khác	5.838.586.367	17.076.179.053	15.656.245.399	7.258.520.021
Thuế môn bài, phí chất thải	-	3.720.000	3.720.000	-
Các khoản phí, lệ phí	5.838.586.367	17.073.179.053	15.653.245.399	7.258.520.021
Cộng	10.776.470.025	19.943.842.159	21.396.655.563	9.323.656.621

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- *Cung cấp nước* : 5%
- *Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác* : 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình cải tạo và phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	24.559.806.512	23.367.595.399
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước và các dịch vụ khác	239	6.364.049.120
Cộng	24.559.806.751	29.731.644.519

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	100.541.349	209.064.634
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.086.333.602	928.877.580
Phải trả TCT CP xây dựng cơ bản dở dang tài sản cố định	8.190.431.374	8.190.431.374
Phải trả khác Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	13.391.600.334	13.391.600.334
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	169.229.420	4.462.325
Cổ tức phải trả cho cổ đông	629.237.808	633.287.780
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	2.493.916.070	2.493.916.070
Khu quản lý giao thông đô thị số 4	6.180.598.889	6.180.598.889
Ban Quản Lý Dự Án Thoát Nước Đô Thị	1.697.981.134	1.126.832.134
Ban Quản Lý Dự Án Cải Tạo Kênh Ba Bò	775.526.940	775.526.940
Ban QLĐT Xây Dựng Công Trình Quận 6	5.230.065.000	2.403.048.000
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng IDICO	723.708.135	723.708.135
Ban BT giải phóng mặt bằng Quận 6	21.602.479.000	-
Phải trả khác	407.269.846	375.269.848
Cộng	62.687.918.905	37.436.624.043

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.274.908.288		50.006.400	1.194.800.000	130.114.688
Quỹ phúc lợi	514.480.403		500.000	38.150.000	476.830.403
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	-		-	-	-
Cộng	1.789.388.691		50.506.400	1.232.950.000	606.945.091

19. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm	15.783.127.383	15.833.112.176
Cộng	15.783.127.383	15.833.112.176

20. Vay và nợ dài hạn

	Số đầu kỳ	Vay thêm trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Số cuối kỳ
Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 08 năm 2007	65.398.111	-	6.857.000	58.541.111
Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	974.395.191	-	87.499.000	886.896.191
Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	1.299.392.927	-	142.578.000	1.156.814.927
Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	563.590.616	-	46.300.000	517.290.616
Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	2.864.297.823	-	158.000.000	2.706.297.823
Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 11 tháng 11 năm 2009	395.904.089	-	19.606.805	376.297.284
Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 08 năm 2010	93.811.523	-	3.026.178	90.785.345
Cộng	6.256.790.280	-	463.866.983	5.792.923.297

Các khoản vay dài hạn Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn chi tiết như sau:

- *Hợp đồng vay* : *Số HĐ 4198/ HĐVV - TCT - KTTC ngày 24 tháng 08 năm 2007*
- + Hạn mức vay : 246.869.000 VND
- + Lãi vay : 5.4%/năm
- + Thời hạn vay : 10 năm
- + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
- + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- *Hợp đồng vay* : *Số HĐ 4371/HĐVV - TCT - KTTC ngày 05 tháng 09 năm 2007*
 - + Hạn mức vay : 3.149.964.000 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1389/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Hạn mức vay : 5.132.808.000 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1390/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Hạn mức vay : 1.666.800.000 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Hạn mức vay : 5.688.000.000 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT – KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009*
 - + Hạn mức vay : 705.845.000 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT – KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010*
 - + Hạn mức vay : 108.942.413 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu trong năm

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	130.000.000.000	17.652.353.119	5.522.531.743	-	25.008.734.851	178.183.619.713
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	27.989.317.133	27.989.317.133
Tăng khác	-	1.568.960.658	-	-	-	1.568.960.658
Trích lập quỹ năm trước	-	892.257.931	2.492.197.018	-	(7.371.970.178)	(3.987.515.229)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(17.550.000.000)	(17.550.000.000)
Chỉ quỹ năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm trước/						
Số dư đầu năm nay	130.000.000.000	20.113.571.708	8.014.728.761	-	28.076.081.806	186.204.382.275
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	5.711.129.587	5.711.129.587
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ kỳ này	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	-	-
Chỉ quỹ kỳ trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	130.000.000.000	20.113.571.708	8.014.728.761	-	33.787.211.393	191.915.511.862

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vốn góp của Nhà nước	66.304.000.000	66.304.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	63.696.000.000	63.696.000.000
Cộng	130.000.000.000	130.000.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Doanh thu cung cấp nước	174.072.312.970	149.047.133.157
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.487.617.266	1.891.598.891
	176.559.930.236	150.938.732.048
<i>Các khoản giảm trừ</i>		
Hàng bán bị trả lại	(46.928.369)	(78.688.686)
Hàng bán bị trả lại cung cấp nước	(4.036.190)	(5.324.400)
Hàng bán bị trả lại cung cấp dịch vụ	(42.892.179)	(73.364.286)
	(46.928.369)	(78.688.686)
Doanh thu thuần	176.513.001.867	150.860.043.362

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Giá vốn cung cấp nước (*)	162.376.472.238	137.886.789.688
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.699.496.875	1.458.365.538
Cộng	164.075.969.113	139.345.155.226

(*) Chi tiết giá vốn cung cấp nước trong năm như sau:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	119.991.788.928	108.414.488.131
Chi phí nhân công trực tiếp	8.496.982.758	7.705.076.269
Chi phí sản xuất chung	33.887.700.557	21.767.225.288
Tổng chi phí sản xuất	162.376.472.238	137.886.789.688
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản phẩm	162.376.472.238	137.886.789.688
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	-	-
Giá vốn nước đã cung cấp	162.376.472.238	137.886.789.688

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi có kỳ hạn	857.646.638	1.433.025.185
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	66.166.889	145.349.397
Cộng	923.813.527	1.578.374.582

4. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	130.364.645	166.285.790
Cộng	130.364.645	166.285.790

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	1.305.607.142	1.329.885.038
Chi phí công cụ dụng cụ	61.910.001	7.742.000
Chi phí khấu hao	91.912.707	47.298.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí bằng tiền khác	303.582.011	468.192.794
Cộng	1.763.011.861	1.853.117.908

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Chi phí nhân viên	2.764.334.401	2.602.924.268
Chi phí đồ dùng văn phòng	88.999.682	216.884.082
Chi phí khấu hao	341.038.021	344.479.914
Thuế, phí và lệ phí	3.720.000	5.635.000
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.942.695	79.018.801
Chi phí bằng tiền khác	1.057.219.467	698.206.273
Cộng	4.335.254.266	3.947.148.338

7. Thu nhập khác

Thu hồ sơ mời thầu	22.727.275	26.909.091
Khách hàng đầu tư không hoàn vốn ổng cái	54.391.818	72.880.220
Thu thanh lý vật tư. CCDC	-	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	-
Thu phạt vi phạm theo tiến độ hợp đồng	-	-
Thu nhập khác	-	104.967.662
Cộng	77.119.093	204.756.973

8. Chi phí khác

Chi phí hồ sơ mời thầu	800.000	5.181.818
Xử lý nguyên vật liệu thiếu	-	-
Xử lý công nợ không thu hồi được	-	-
Phạt chậm nộp	-	-
Chi phí thanh lý	5.454.545	-
Chi phí khác	6.545.199	183.600.061
Cộng	12.799.744	188.781.879

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	7.196.534.858	7.142.685.776
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		
Thu nhập chịu thuế	7.196.534.858	7.142.685.776
Trong đó: + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch (20%)	6.274.568.871	5.693.685.497
+ Thu nhập từ thu nhập khác (25%)	921.965.987	1.449.000.279
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp (25%)	1.799.133.715	1.785.671.444

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.799.133.715	1.785.671.444
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(313.728.444)	(284.684.285)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.485.405.271	1.500.987.169

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.

Năm 2013 là năm Công ty đã hết ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chính của Công ty và là năm thứ bảy Công ty được tính theo mức thuế suất ưu đãi 20% trên thu nhập tính thuế.

10. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Lợi nhuận sau thuế	5.711.129.587	5.641.698.607
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.711.129.587	5.641.698.607
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	439.32	433.98

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.152.377.115	7.691.787.258
Chi phí nhân công	14.487.695.554	7.705.076.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.409.793.465	7.767.446.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.132.580.179	13.566.622.848
Cộng	50.182.446.313	36.730.933.341

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ chưa thanh toán	26.761.964.773	(97.603.003)
Cổ tức chưa thanh toán	629.237.808	633.287.780
Lãi tiền gửi còn dự thu	-	149.675.737

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	149.675.737	923.218.160

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty CP cấp nước Bến Thành	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV cấp nước Tân Hòa	Công ty cùng tập đoàn
Chi nhánh cấp nước Trung An	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty cùng tập đoàn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước	Công ty cùng tập đoàn	
Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân	Công ty cùng tập đoàn	
Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:		
	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hoá	133.197.105.239	122.173.364.055
Thanh toán tiền hàng	105.654.256.854	114.853.885.065
Vay dài hạn	-	-
Đã trả	463.866.983	463.866.983
Phải trả chi phí XDCB và TSCĐ	0	0
Đã trả	0	512.001.516
Phải thu các khoản chi hộ	27.405.150	50.643.400
Đã thu	79.327.250	28.083.500
Nhượng bán vật tư, thi công trụ cứu hỏa	68.530.836	0
Đã thu	78.747.016	171.732.712
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả chi phí thực hiện công trình XDCB	-	-
Đã trả chi phí thực hiện công trình XDCB		43.391.855
Công ty Cổ phần cơ khí Công Trình Cấp Nước		
Phải trả chi phí thực hiện công trình XDCB, gia công Đồng hồ nước	5.032.834.745	1.140.965.939
Đã trả	5.956.794.926	736.080.296
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Cấp Nước		
Phải trả chi phí thực hiện lập Báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát công trình	341.725.008	71.407.088
Đã trả	172.109.742	530.799.625
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Nợ phải thu	2.912.936.869	2.975.075.149
Phải thu các khoản chi hộ giai đoạn trước CP	2.872.765.106	2.872.765.106

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu các khoản chi hộ giai đoạn sau CP	3.074.591	54.996.691
Nợ phải thu thi công trụ cứu hỏa	37.097.172	47.313.352
Nợ phải trả	59.517.374.265	32.438.392.863
Phải trả tiền mua nước và vật tư ngành nước	32.034.579.760	4.491.731.375
Phải trả khác	21.582.031.708	21.582.031.708
Phải trả tiền vay	5.792.923.297	6.256.790.280
Ứng trước thi công trụ cứu hỏa	107.839.500	107.839.500

Công ty Công trình giao Thông Công Chánh

Phải trả tiền đặt cọc di dời đường ống	96.000.000	96.000.000
Phải trả chi phí thực hiện công trình XD CB		-

Công ty Cổ phần cơ khí Công Trình Cấp Nước

Ứng trước tiền thực hiện công trình XD CB, gia công Đồng hồ nước	1.727.684.803	2.651.644.984
---	---------------	---------------

Công ty Cổ phần Tư vấn XD Cấp Nước

Ứng trước phí thực hiện lập Báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát công trình	438.758.690	608.373.956
---	-------------	-------------

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Tiền lương	161.722.896	955.892.381
Các khoản bảo hiểm phải trả	5.072.289	18.934.141
Cộng	166.798.185	974.826.522

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động: Bộ phận cung cấp nước sạch và Bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận cung cấp nước sạch: Mua và phân phối nước sạch.

Bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác: Dịch vụ gắn mới, di dời, mở nước, bấm chì, tái lập mặt đường ...

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Nước sạch	Dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	365.589.943.507	490.830.580	-	366.080.774.087
Tài sản không phân bổ			17.505.071.910	17.505.071.910
Tổng tài sản				383.585.845.997
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	158.499.305.142	282.933.943	-	158.782.239.085
Nợ phải trả phân bổ	32.043.402.330	149.045.642	-	32.192.447.972
Nợ phải trả không phân bổ			544.113.091	544.113.091
Tổng nợ phải trả				191.518.800.148
Số đầu kỳ				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	322.193.656.556	581.120.859	-	322.774.777.415
Tài sản không phân bổ			41.866.000	41.866.000
Tổng tài sản				322.816.643.415
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	104.955.139.142	378.982.152	-	105.334.121.294
Nợ phải trả phân bổ	28.148.953.056	1.339.798.099	-	29.488.751.155
Nợ phải trả không phân bổ			1.789.388.691	1.789.388.691
Tổng nợ phải trả				136.612.261.140

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Nước sạch	Dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
Quý 1/2013				
Doanh thu bộ phận	174.068.276.780	2.444.725.087	-	176.513.001.867
Chi phí hoạt động phân bổ	(168.390.276.688)	(1.783.958.552)	-	(170.174.235.240)
Chi phí lãi vay	(130.364.645)	-	-	(130.364.645)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.547.635.447	660.766.535	-	6.208.401.982
Doanh thu tài chính			923.813.527	923.813.527
Lãi khác			64.319.349	64.319.349
Lợi nhuận trước thuế			988.132.876	7.196.534.858
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(1.485.405.271)	(1.485.405.271)
Lợi nhuận trong kỳ				5.711.129.587

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nước sạch	Dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
Quý 1/2012				
Doanh thu bộ phận	149.041.808.757	1.818.234.605	-	150.860.043.362
Chi phí hoạt động phân bổ	(143.617.148.457)	(1.528.273.014)	-	(145.145.421.471)
Chi phí lãi vay	(166.285.790)	-	-	(166.285.790)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.258.374.510	289.961.591	-	5.548.336.101
Doanh thu tài chính			1.578.374.582	1.578.374.582
Lãi khác			15.975.094	15.975.094
Lợi nhuận trước thuế			1.594.349.676	7.142.685.777
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(1.500.987.169)	(1.500.987.169)
Lợi nhuận trong kỳ				5.641.698.608

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.008.245.145	52.295.129.608
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	10.939.993.805	2.043.055.167
Các khoản phải thu khác	4.175.379.170	4.032.818.421

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá trị số sách	
Ký quỹ ngắn hạn	151.533.987	151.533.987
Đầu tư dài hạn khác	8.330.000	8.330.000
Cộng	94.283.482.107	58.530.867.183
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	5.792.923.297	6.256.790.280
Phải trả cho người bán	45.518.631.220	15.033.179.584
Chi phí phải trả	24.550.806.751	29.731.644.519
Các khoản phải trả khác	77.572.037.711	52.422.920.480
Cộng	153.434.398.979	103.444.534.863

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do Công ty hoạt động kinh chính ở Bộ phận cung cấp nước sạch, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	1.855.467.932	3.907.193.580	30.261.785	5.792.923.297
Phải trả cho người bán	45.518.631.220	-	-	45.518.631.220
Chi phí phải trả	24.550.806.751	-	-	24.550.806.751
Các khoản phải trả khác	61.788.910.328	15.783.127.383	-	77.572.037.711
Cộng	133.713.816.231	19.690.320.963	30.261.785	153.434.398.979

Số đầu kỳ

Vay và nợ	1.855.467.932	4.368.034.385	33.287.963	6.256.790.280
Phải trả cho người bán	15.033.179.584	-	-	15.033.179.584
Chi phí phải trả	29.731.644.519	-	-	29.731.644.519
Các khoản phải trả khác	36.589.809.304	15.833.112.176	-	52.422.921.480
Cộng	83.210.101.339	20.201.146.561	33.287.963	103.444.535.863

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.008.245.145	-	-	74.008.245.145
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	10.939.993.805	-	-	10.939.993.805

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản phải thu khác	4.175.379.170	-	-	4.175.379.170
Ký quỹ ngắn hạn	151.533.987	-	-	151.533.987
Đầu tư dài hạn	8.330.000	-	-	8.330.000
Cộng	94.283.482.107	-	-	94.283.482.107

Số đầu kỳ

Tiền và các khoản tương đương tiền	52.295.129.608	-	-	52.295.129.608
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	2.043.055.167	-	-	2.043.055.167
Các khoản phải thu khác	4.032.818.421	-	-	4.032.818.421
Ký quỹ ngắn hạn	151.533.987	-	-	151.533.987
Đầu tư dài hạn	8.330.000	-	-	8.330.000
Cộng	58.530.867.183	-	-	58.530.867.183

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty

Chi tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/03/2013	Tại ngày 01/01/2013
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	36,09	27.70
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	63,91	72.30
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	49,95	42.32
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	50,05	57.68
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,00	2.36
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,81	0.78
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,44	0.46
Tỷ suất sinh lời		Quý 1/2013	Quý 1/2012
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,08	4,73
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,24	3,74
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	2,04	2,59
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	1,62	2,04
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	3,02	3,12

5. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2013


LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc


LAI THỊ THU
Kế toán trưởng


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính